

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC và TÁI CẤU TRÚC DNNN

**Kinh tế học khu vực công
Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright**

Vũ Thành Tự Anh

1

Nội dung trình bày

- ❑ Vai trò của DNNN ở Việt Nam
 - ❑ Kết quả hoạt động của DNNN
 - ❑ Lược tả mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước ở VN
 - ❑ Tập đoàn kinh tế từ góc nhìn so sánh
 - ❑ Thảo luận về cổ phần hóa ở Việt Nam
 - ❑ Thảo luận về đề án tái cấu trúc DNNN
-

2

Vai trò của doanh nghiệp nhà nước

- Cơ sở tồn tại của doanh nghiệp nhà nước
 - Cơ sở kinh tế
 - Cơ sở chính trị
- Quan điểm về vai trò của DNNN
 - Quan điểm kinh tế: Sửa chữa thất bại thị trường
 - Quan điểm chính trị: Vai trò chủ đạo
- Phạm vi hoạt động và quy mô của DNNN
 - Tùy thuộc vào quan điểm về vai trò của DNNN

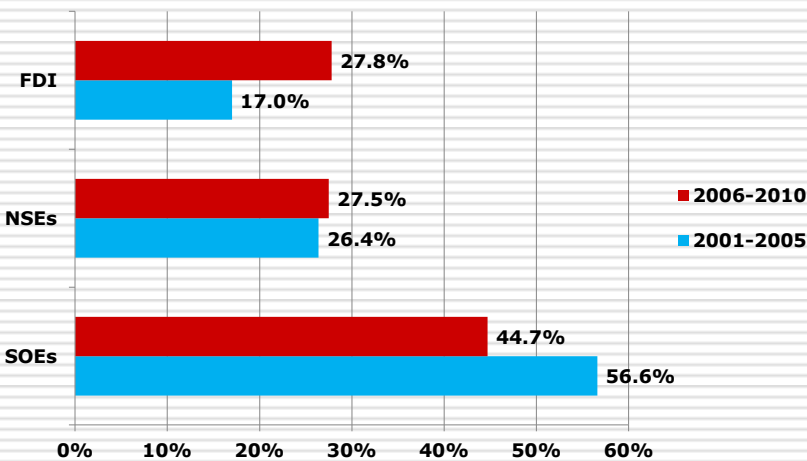
3

Kết quả hoạt động của DNNN ở Việt Nam

	DNNN		DN dân doanh		FDI	
	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10
Sử dụng nguồn lực						
Vốn đầu tư	56,6	44,6	26,4	27,7	17,0	27,8
Tín dụng	36,6	30,9	-	-	-	-
Đóng góp cho nền kinh tế						
Ngân sách (ngoài dầu)	19,6	17,0	6,7	9,8	6,6	10,3
Việc làm	43,5	24,1	40,1	53,7	16,3	22,3
Việc làm mới	-4,1	-22,0	74,1	88,1	30	33,9
GDP	30,0	27,8	46,7	46,1	14,6	17,9
Tăng trưởng GDP	32,9	19,0	44,6	54,2	14,5	17,4
GTSXCN	28,9	20,1	28,3	35,4	42,7	44,5
Tăng trưởng GTSXCN	28,5	7,9	34,0	45,8	37,4	46,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Quỹ Tiền tệ Quốc tế
Ghi chú: Số liệu 2010 là ước tính. Số liệu việc làm là của giai đoạn 2001-05 và 2006-09.

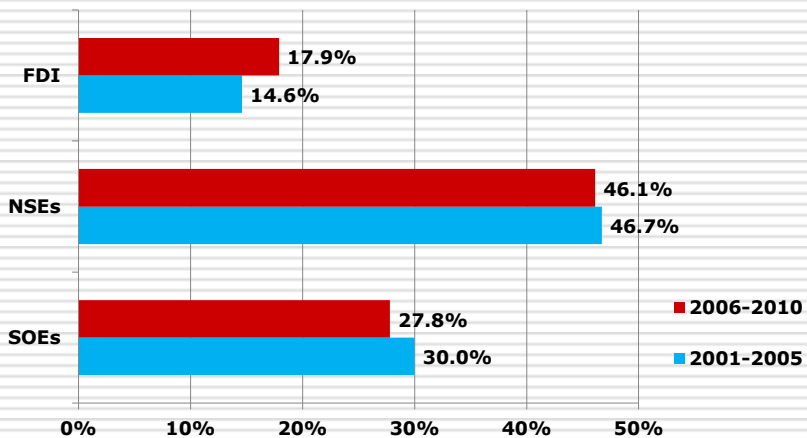
Tỷ trọng vốn đầu tư (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

5

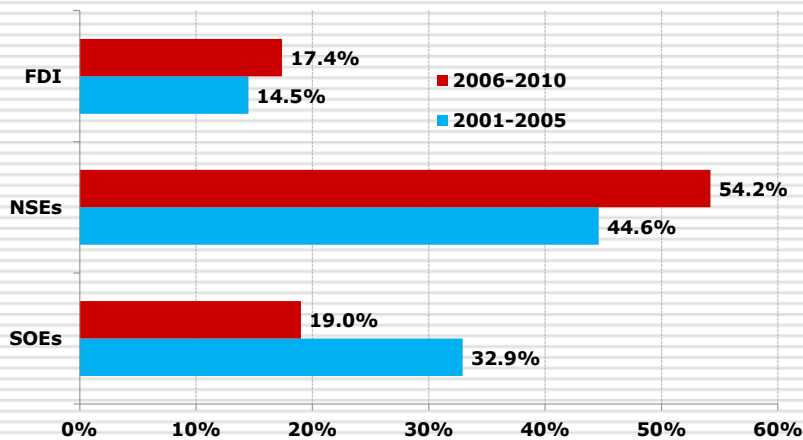
Đóng góp cho GDP (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

6

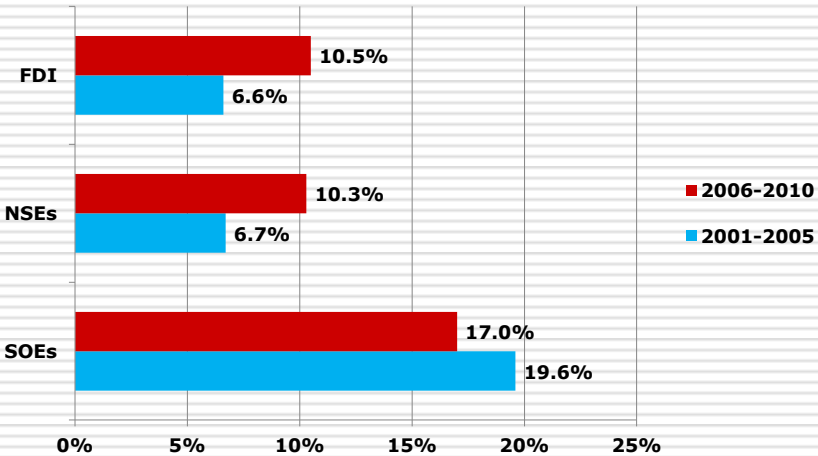
Đóng góp cho tăng trưởng GDP (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

7

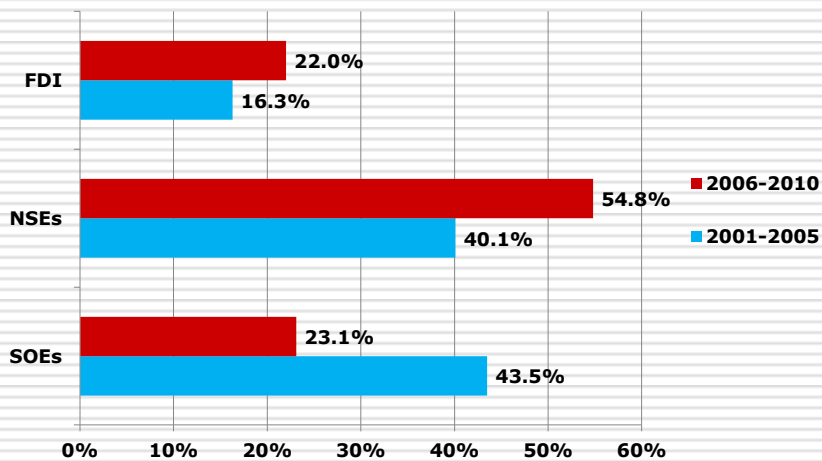
Đóng góp cho ngân sách (trừ dầu, %)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

8

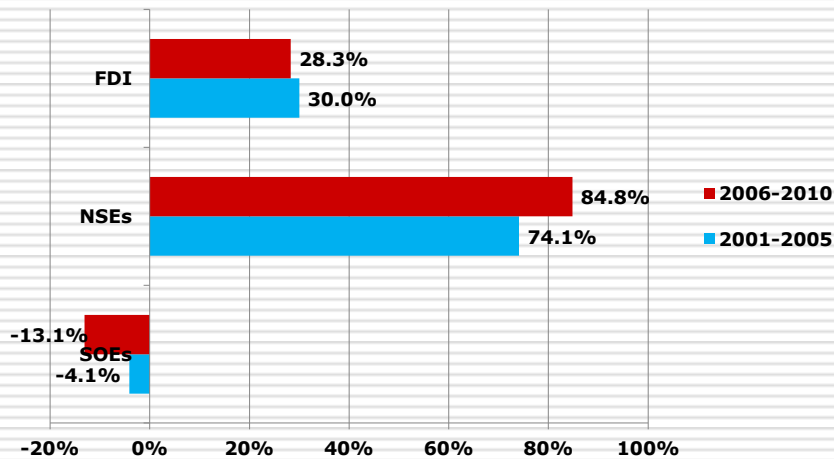
Tỷ trọng lao động (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

9

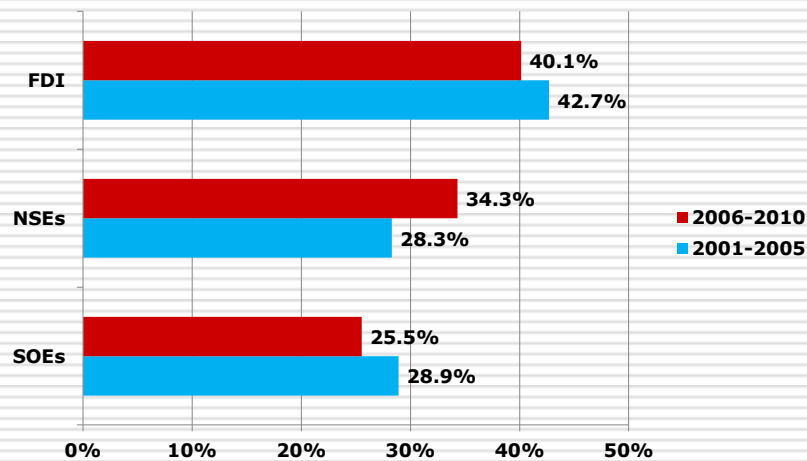
Tỷ lệ việc làm mới tạo ra (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

10

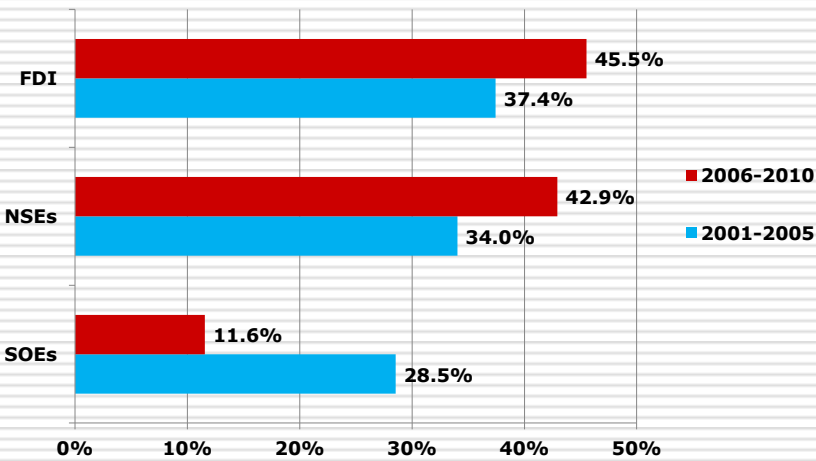
Tỷ trọng GTSX công nghiệp (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

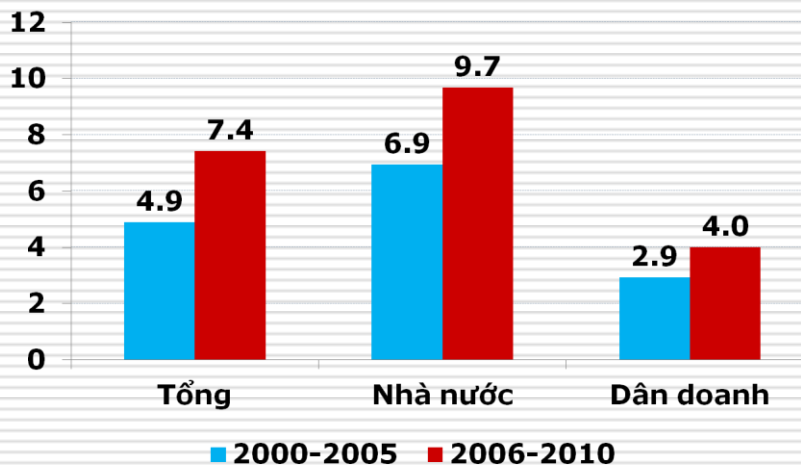
11

Đóng góp cho tăng trưởng GTSXCN (%)



12

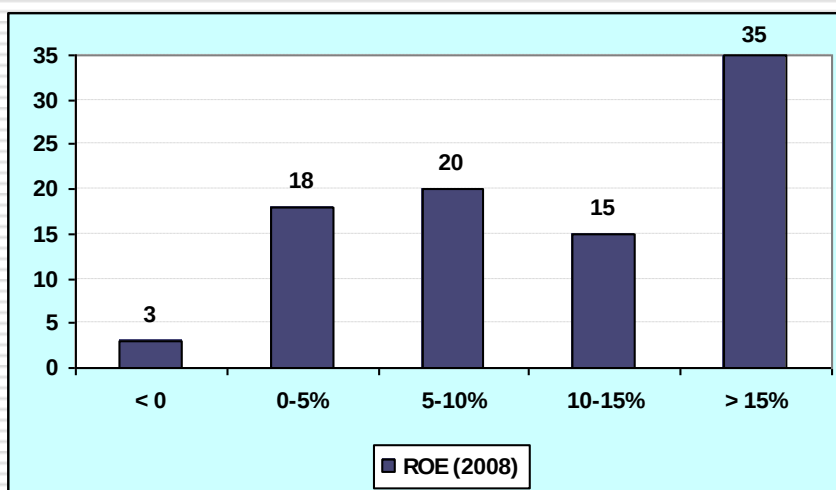
ICOR của 3 khu vực kinh tế (2000-2007)



Nguồn: Bùi Trinh (2011)

13

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của các TĐKT và TCT nhà nước (2008)



Nguồn: Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tháng 11/2009)

14

Mô hình tập đoàn nhà nước ở Việt Nam

- ❑ Bắt đầu thí điểm từ 2005 với Tập đoàn Dệt may, TĐ Bưu chính viễn thông, TĐ Than và khoáng sản.
- ❑ Chưa đánh giá đã nhân rộng ra 12 tập đoàn
- ❑ Một số “nghịch lý” trong chính sách:
 - Tích tụ sv. phân tán (cổ phần hóa)
 - Độc quyền sv. tự do hóa và tăng cường cạnh tranh
 - Chuyên sâu sv. đa dạng hóa (đa ngành)
 - Tập trung nguồn lực sv. phát triển DN dân doanh
 - Bảo hộ sv. gia nhập WTO

15

Các tập đoàn kinh tế nhà nước

Tên tập đoàn	Năm thành lập	Tổng tài sản (tỷ VNĐ) Báo cáo hợp nhất, 31/12/2010
1. Tập đoàn Dệt may Việt Nam	2005	15.884
2. Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam	2005	82.883
3. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	2005	111.416
4. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2006	466.060
5. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2006	301.951
6. Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	2006	na
7. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	2006	37.442
8. Tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt	2007	45.124
9. Tập đoàn Viễn thông Quân đội	2009	55.746
10. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	2009	31.469
11. Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam	2010	76.764
12. Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị Việt Nam	2010	8.009 (*)

(*) Số liệu năm 2009, công ty mẹ

Nguồn: Tổng hợp của CIEM tại Toà đàm “Tổng kết thí điểm hình thành tập đoàn kinh tế nhà nước” do CIEM tổ chức tháng 9/2011.

16

Giai đoạn và đặc điểm CPH ở Việt Nam

- ❑ GD 1 (6/1992-4/1996): CPH tự nguyện
 - ❑ GD 2 (5/1996-5/1998): Mở rộng thí điểm
 - ❑ GD 3 (6/1996 – 5/2002): Tăng tốc CPH
 - ❑ GD 4 (6/2002 – 2008): Tiếp tục CPH
 - ❑ GD 5: 2009 – nay: CPH chậm hẳn lại
-
- ❑ CPH tiệm tiến
 - ❑ CPH từng phần
 - ❑ CPH nội bộ
 - ❑ CPH dưới giá (nhất là khi chưa áp dụng đấu giá)
 - ❑ CPH chưa tác động đáng kể đến cấu trúc sở hữu
 - ❑ Kết quả kinh doanh sau khi CPH có vẻ tích cực

17

TĐKTNN từ góc độ so sánh quốc tế

Doanh số, mức độ đa dạng hóa của các TĐ lớn nhất

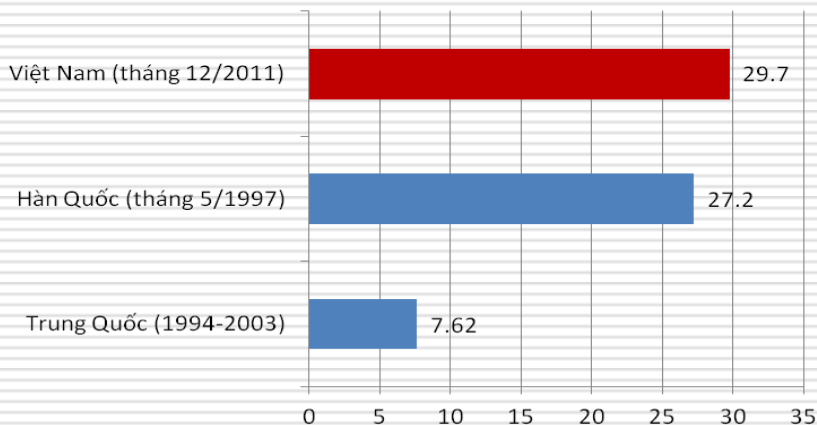
Quốc gia	Doanh số (% GDP)	Mức đa dạng hóa
Trung Quốc	9,4	2,3
Hàn Quốc	49,0	1,7
Đài Loan	19,0	1,6
In-đô-nê-xia	25,0	2,1
Phi-lip-pin	-	3,1
Thái Lan	-	3,5
Việt Nam	37,3	6,4
Ác-hen-ti-na	11,0	-
Bra-xin	8,0	1,4
Chi-lê	-	5,1
Mê-hi-cô	10,0	2,7

Số liệu của Việt Nam là của năm 2010, thu thập trực tiếp từ trang web của các TĐKTNN
Số liệu về doanh số là của 10 tập đoàn lớn nhất. Số liệu của Trung Quốc là của năm 2005, của tất cả các nước khác là năm 1995
Mức độ đa dạng hóa tính bằng số ngành hai chữ số (theo phân loại ISIC) mà tập đoàn có hoạt động.
Số liệu của Trung Quốc là trung bình 10 năm (1994-2003). Số liệu của các quốc gia còn lại cho giai đoạn cuối thập niên 1990

18

TĐKTNN từ góc độ so sánh quốc tế

Số lượng chi nhánh trung bình của các TĐKT

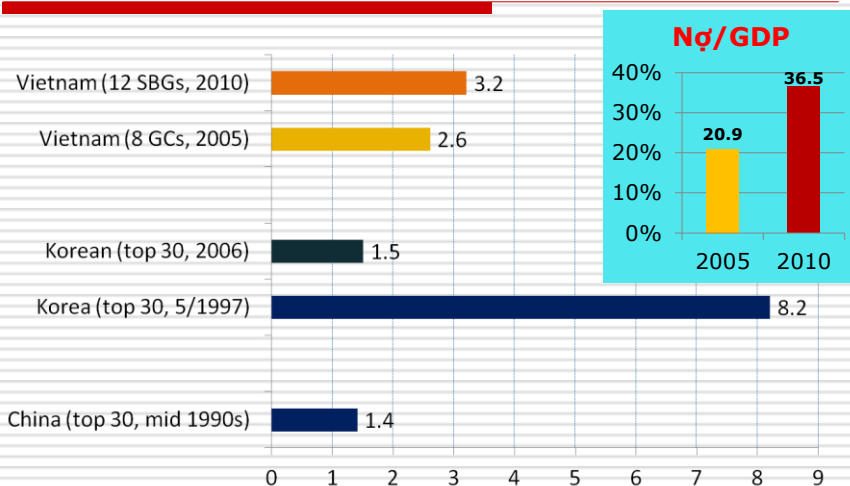


Số liệu của Việt Nam tính toán từ Trần Tiến Cường và Nguyễn Cảnh Nam (2011)
Số liệu của Hàn Quốc là của OECD (1999), trích lại từ Graham (2003)
Số liệu của Trung Quốc tính toán từ Lee và Kang (2010).

19

TĐKTNN từ góc độ so sánh quốc tế

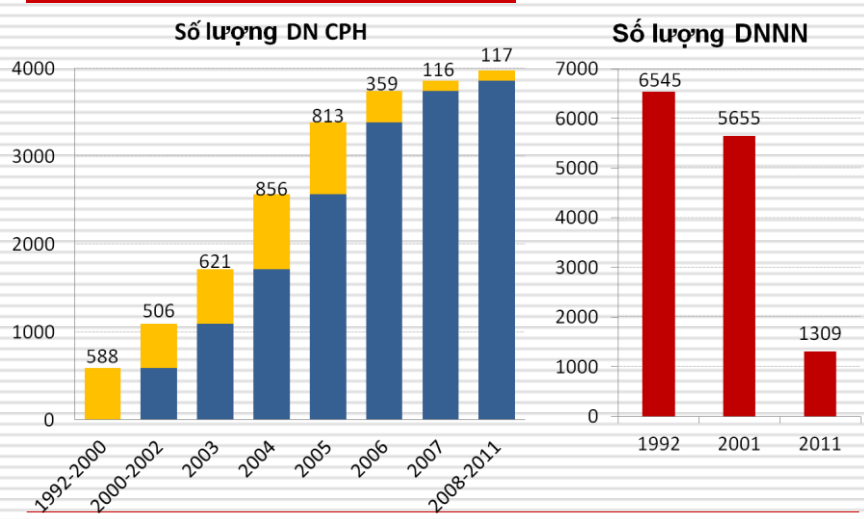
Tỷ lệ giữa nợ so với vốn chủ sở hữu của các TĐKT



Số liệu của Việt Nam tính toán từ báo cáo của Bộ Tài Chính và Trần Tiến Cường và Nguyễn Cảnh Nam (2011)
Số liệu của Hàn Quốc năm 1997 trích lại từ Graham (2003), năm 2006 từ Korea Fair Trade Commission
Số liệu của Trung Quốc tính toán từ Lee và Kang (2010)

20

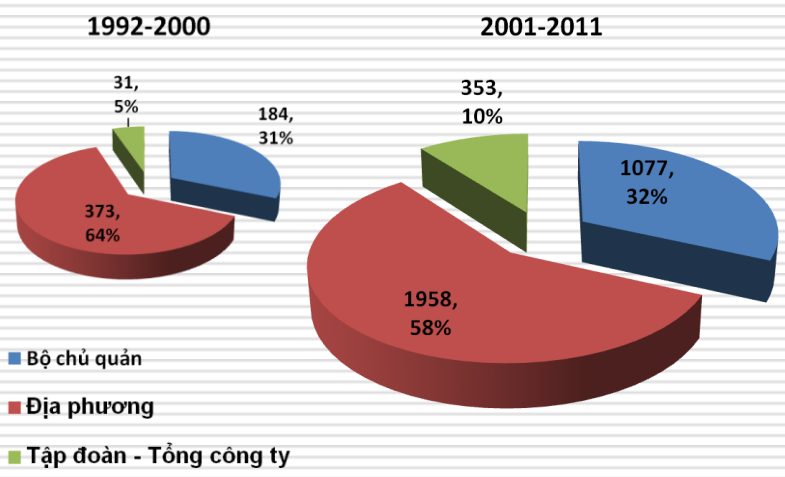
Cổ phần hóa ở Việt Nam



Nguồn: Bộ Tài chính

21

Cơ quan chủ quản của DNNN cổ phần hóa

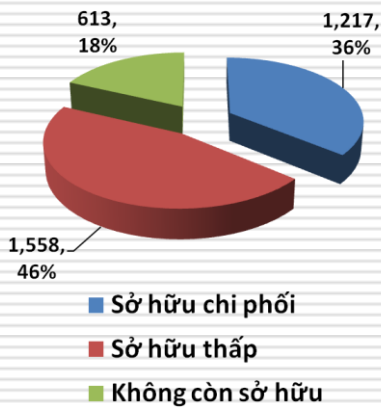


Nguồn: Bộ Tài chính

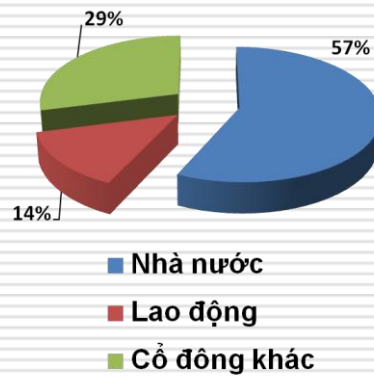
22

Sở hữu ở DN cổ phần hóa

Mức sở hữu nhà nước



Cơ cấu sở hữu

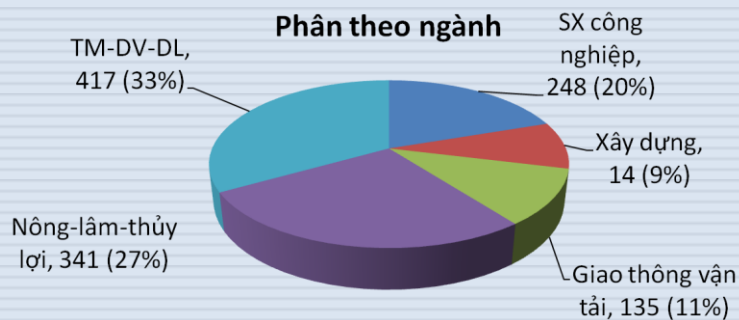


Nguồn: Bộ Tài chính

23

Phân loại 1309 DNNN còn lại

Phân theo ngành



	Kinh doanh	Khác	Tổng
Bộ, ngành TƯ	162	193	355
Địa phương	465	236	701
Tập đoàn, Tổng công ty	230	23	253

24

Đề án Tái cơ cấu khu vực DNNN

- Hình thành từ hai đề án tái cơ cấu
 - Bộ Tài chính
 - Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DN
- Thảo luận về đề án của Bộ Tài chính
 - Cách tiếp cận
 - Quan điểm
 - Một số nguyên tắc cần được bổ sung
 - Một số chính sách cụ thể cần thực hiện

25

Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước

- Xác định lại **vai trò của nhà nước**
- Xác định lại **vai trò của DNNN**:
 - DNNN là công cụ điều tiết vĩ mô?
 - Chi phí sv. Lợi ích của DNNN đóng chức năng xã hội?
- Áp dụng **cơ chế thị trường** để tái cấu trúc DNNN:
 - Giá thị trường
 - Cạnh tranh [quốc tế]
- Tăng cường **kỷ cương** của nhà nước đối với DNNN
 - Chấm dứt trợ cấp
 - Thu hồi độc quyền/ điều tiết
- Cải cách hệ thống **quản trị** DNNN
 - Tách chức năng sở hữu và quản lý hành chính
 - Cải thiện giám sát, minh bạch, trách nhiệm giải trình

26

Nhìn lại bốn câu hỏi cơ bản của PSE

- ❑ **Khi nào** chính phủ nên can thiệp vào nền kinh tế?
- ❑ Chính phủ có thể can thiệp **như thế nào**?
- ❑ Sự can thiệp này có **ảnh hưởng gì** đến kết quả kinh tế?
- ❑ **Tại sao** chính phủ chọn lựa can thiệp theo cách thức như chính phủ đã chọn?